

Bản án số: **175 /2024/HS-ST**

Ngày: 17 - 9 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền.

2. Bà Nguyễn Thị Kính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 199/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 294/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2024, đối với bị cáo:

Trần T (tên gọi khác: Nghé); sinh năm 1997; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (Nơi đăng ký thường trú: A1 Bến Vân Đ, Phường F, Quận D, Thành phố H, chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần K và bà Nguyễn Thị Thu H; tiền án: Không

Nhân thân:

- Ngày 21/9/2016, Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố H quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 15 tháng (quyết định số 334/QĐ-TA). Ngày 15/10/2017 chấp hành xong.

- Ngày 07/5/2019, Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 18 tháng (quyết định số 335/QĐ-TA). Ngày 15/10/2019 Công an Q thi hành lệnh bắt tạm giam.

- Ngày 10/01/2020, Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tuyên phạt 01 năm tù, về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (bản án số 07/2020/HSST). Chấp hành xong toàn bộ bản án vào ngày 25/5/2023.

- Ngày 15/3/2021, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 18 tháng (quyết định số 63/2021/QĐ-TA). Ngày 16/6/2022 chấp hành xong.

- Ngày 02/9/2023, bị Công an quận G bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 23/4/2024, Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (bản án số 76/2024/HSST).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/9/2023 đến nay. (có mặt)

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Huy H1, sinh năm 1994; nơi cư trú (HKTT: Thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; chỗ ở: C đường N, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần T là đối tượng không nghề nghiệp, nghiện ma túy. Để có tiền tiêu xài, T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của tài xế xe taxi công nghệ G. Thực hiện ý định trên, vào ngày 04/3/2019, T đã thực hiện hành vi phạm tội. Cụ thể như sau: Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 04/3/2019, tại hẻm S đường T, khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, Trần T dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt một chiếc điện thoại hiệu Sam Sung Galaxy A6+ trị giá 3.985.000 đồng của anh Phạm Tuấn V (là tài xế xe công nghệ G ô tô). Ngày 10/01/2020, Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tuyên phạt T 01 năm tù, về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Sau khi chiếm đoạt được điện thoại của anh V, T dùng điện thoại của anh V đặt xe Grab ô tô của anh Nguyễn Huy H1, điểm đến là một cửa hàng điện thoại di động địa chỉ số F đường T, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi anh H1 chở T đến đường T và đường Đ, quận T, T đã tháo sim điện thoại của anh V vứt bỏ. Đến cửa hàng điện thoại của anh Lê Văn L tại số F đường T, Phường G, Quận E, T liên hệ bán điện thoại của anh V với giá 4.000.000 đồng. Sau đó, T nói anh H1 chở T đến quán sinh tố của mẹ T ở đường C, phường N, Quận A. Tại đây, T cho bà Nguyễn Thị Thu H (mẹ của T) số tiền 1.500.000 đồng và cho bạn gái là Vũ Thị Ngọc T1, sinh năm 1991, hộ khẩu thường trú số B đường Đ, Phường A, Quận D số tiền 1.000.000 đồng. Sau đó T và T1 lên xe nói anh H1 chở rời về khách sạn P1 trên đường Đ, Phường D, Quận H. Khi đến khách sạn, T trả anh H1 250.000 đồng tiền xe và 50.000 đồng tiền chờ xe để đi tiếp. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày 04/03/2019, T nói anh H1 chở qua khu vực Phường A, Quận H tìm người quen. Trên đường đi, T lấy lý do quên điện thoại nên mượn điện thoại của anh H1 để gọi cho T1 rồi gọi cho người quen. Sau đó T nói anh H1 chở đến hẻm S

đường D, Phường A, Quận H. Trên đường đi, T hỏi mượn chiếc điện thoại Samsung Galaxy A7 màu xanh của anh H1 để gọi cho người quen, và mượn anh H1 số tiền 1.500.000 đồng để T đi chuộc giấy tờ, về lại khách sạn sẽ lấy tiền trả lại anh H1. Tin tưởng là thật nên anh H1 đồng ý cho T mượn điện thoại và số tiền 1.500.000 đồng. Khi đến hẻm S đường D, Phường A, Quận H gặp đám tang nên T nói anh H1 lùi xe lại. T đi ra khỏi xe, cầm điện thoại của anh H1 giả vờ bấm gọi rồi bỏ trốn để chiếm đoạt điện thoại và tiền của anh H1. Sau đó T quay lại khách sạn cho T1 chiếc điện thoại Samsung Galaxy A7 của anh H1, T không nói cho T1 biết về nguồn gốc của chiếc điện thoại này; còn số tiền 1.500.000 đồng Tâm tiêu xài hết. Bị chiếm đoạt tài sản, anh V và anh H1 báo cho Tổng đài Công ty G. Công ty G báo sự việc cho Phòng PC02 Công an Thành phố H. Qua truy xét, đến ngày 07/3/2019 Công an Thành phố H phát hiện đưa T về làm việc và T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên. Sau đó Công an Thành phố H bàn giao T cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q để điều tra về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh V. Ngày 06/03/2019, anh H1 đến Công an P2, Quận H trình báo. Ban đầu anh H1 khai bị T đe dọa dùng vũ lực để chiếm đoạt điện thoại và số tiền 2.000.000 đồng. Đến ngày 28/01/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q1 liên hệ làm việc với anh H1. Qua làm việc, anh H1 khai nhận do trước đây khi trình báo, anh H1 khai theo ý chủ quan là bị T đe dọa dùng vũ lực để chiếm đoạt điện thoại Samsung Galaxy A7 và số tiền 2.000.000 đồng. Thực tế anh H1 không bị T đe dọa, T chỉ mượn anh H1 điện thoại và số tiền 1.500.000 đồng và anh H1 đồng ý cho T mượn.

Ngày 16/4/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận H tiến hành định giá xác định chiếc điện thoại Samsung Galaxy A7 mà T chiếm đoạt của anh H1 trị giá 3.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản mà T chiếm đoạt của anh H1 là 4.500.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh H1 không yêu cầu bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 186/CT-VKS ngày 15/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Trần T2 “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần T2 “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần T3 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt của Bản án số 76/2024/HS-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về vật chứng: không có. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định vào khoảng 22 giờ ngày 04/03/2019, tại hẻm S đường D, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, Trần T bằng thủ đoạn gian dối, đã tạo lòng tin và giả vờ mượn điện thoại của anh Nguyễn Huy H1 để gọi điện thoại cho người quen rồi bỏ trốn nhằm chiếm đoạt chiếc điện thoại Samsung Galaxy A7 trị giá 3.000.000 đồng và số tiền 1.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt của anh H1 là 4.500.000 đồng.

[3] Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” như sau:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[4] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Trần T4 yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; Xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một

thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[6] Bị cáo là người có nhân thân xấu, nhiều lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính do nghiện ma túy do đó Hội đồng xét xử cũng xem xét để có mức hình phạt phù hợp với nhân thân của bị cáo. Ngoài ra bị cáo từng bị tòa án kết án 02 lần, dù không xem là án tích, nhưng Hội đồng xét xử cũng xem xét để có mức hình phạt phù hợp với nhân thân của bị cáo.

[7] Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, xét qua quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[8] Xét thấy, Bản án số 76/2024/HS-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để tổng hợp hình phạt với bản án này, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[9] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn, vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về vật chứng: Không có.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với Vũ Thị Ngọc T1, bị cáo Trần T khai không cho T1 biết tài sản do phạm tội mà có, hiện T1 không có mặt tại địa phương nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q1 không đưa vào diện xem xét xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần T 02 (hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù theo Bản án số 76/2024/HS-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/9/2023.

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trần T nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phúc